TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT.
Ngày 11 - 01 - 2024
V/v: Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điêu Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2023/TLPT – DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 27/2023/QĐ-PT ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1965; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lò Văn H - Sinh năm 1956; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Thanh N; Nơi cư trú: Thôn Q, xã ĐH, huyện H, Thành phố HN. Vắng mặt.

- Bà Lường Thị L1; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Lò Văn L2; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Chị Lường Thị H2; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo :

- Bị đơn: Ông Lò Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:*

Năm 2020 ông có mua một mảnh đất diện tích 1.180,9 m^2 thuộc thửa đất số 274 tờ bản đồ số 43 tại bản X, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La của bà Nguyễn Thị L3, đất được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CH00282 ngày 16/9/2016 mang tên ông Đoàn Thanh N. Nguồn gốc đất do ông Đoàn Thanh N bán lại cho bà Q và đăng ký biến động ngày 27/4/2020, sau đó bà Q bán lại cho bà Nguyễn Thị L3 đăng ký biến động ngày 20/10/2020. Đến tháng 10/2020 ông mua lại mảnh đất trên của bà L3 và đăng ký biến động ngày 30/11/2020. Việc mua bán đất đai giữa ông và bà L3 có lập thành hợp đồng có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã N và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai làm đúng quy trình, thủ tục và xác nhận đăng ký biến động về sử dụng đất do thay đổi thông tin về người được cấp GCNQSDĐ. Sau khi mua đất ông đến nhận đất thấy tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà tạm và 02 chuồng lợn, thời điểm đó ông Lò Văn H là chủ cũ đang sử dụng mảnh đất trên. Ông đã yêu cầu ông H chuyển đi và giao lại đất cho mình, nhưng ông H xin được ở nhờ với lý do trước đây khi bán đất cho ông N, ông N chưa thanh toán tiền mua đất, ông H đề nghị để ông H liên hệ giải quyết với ông N rồi sẽ trao trả mảnh đất trên cho ông. Do cả nể ông đã để ông H sử dụng mảnh đất trên một thời gian, nhưng sau nhiều lần đòi lại ông H không chịu trả mảnh đất trên cho ông. Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện SM xem xét buộc ông Lò Văn H trả lại toàn bộ mảnh đất địa chỉ tại bản X, xã N, huyện SM, đất được cấp GCNQSDĐ số CH00282 do Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp ngày 16/9/2016 mang tên Đoàn Thanh N, đã đăng ký biến động lần cuối cùng sang tên ông.

Hiện nay ông đang là chủ sử dụng hợp pháp của mảnh đất trên, đối với việc mua bán đất giữa ông Lò Văn H và ông Đoàn Thanh N ông không được biết, vụ việc đó không liên quan đến ông nên ông đề nghị Tòa án tách yêu cầu của ông H về việc yêu cầu ông Đoàn Thanh N thanh toán tiền bán đất cho ông Lò Văn H thành một vụ án khác.

** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Lò Văn H trình bày:*

Năm 2016 ông có thoả thuận bán cho ông Đoàn Thanh N mảnh đất của gia đình, địa chỉ tại bản X, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La, với giá 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) nhưng cho ông N nợ số tiền này. Việc thỏa thuận chuyển nhượng là tự nguyện, không được lập thành văn bản và đã được hoàn tất xong thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp GCNQSDĐ đất mang tên Đoàn Thanh N, đồng thời ông N có xây dựng trên đất 01 nhà tạm, 02 chuồng lợn, tuy nhiên từ đó đến nay ông N chưa thanh toán cho ông tiền mua đất trên và gia đình ông cũng chưa giao đất cho ông N, mà vẫn tiếp tục sử dụng mảnh đất đó cho đến nay, việc ông N làm GCNQSDĐ lúc nào ông không rõ. Sau đó ông N bán lại đất cho ai ông không được biết. Nay ông T khởi kiện ông ra tòa yêu cầu ông giao trả lại mảnh đất trên ông không đồng ý. Ông đề nghị đưa ông Đoàn Thanh N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan để giải quyết vụ án một cách triệt để. Khi nào ông Đoàn Thanh N trả cho ông số tiền mua đất ông sẽ trao trả mảnh đất cho ông Nguyễn Văn T.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh ông Lò Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị L1, anh Lò Văn L2, chị Lường Thị H2 đều thống nhất trình bày:*

Gia đình ông Lò Văn H gồm ông và vợ là Lường Thị L1, con trai Lò Văn L2 và con dâu Lường Thị H2 vẫn sinh sống trên mảnh đất đang tranh chấp. Mảnh đất này năm 2016 đã được cả gia đình nhất trí chuyển nhượng cho ông Đoàn Thanh N. Tài sản trên đất gồm 01 nhà khung sắt có tường bằng tôn, 02 chuồng lợn xây là do ông Đoàn Thanh N xây dựng; gia đình có xây dựng thêm 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước và một phần bán mái. Bà L1, anh L2, chị H2 nhất trí với ý kiến của ông H, ngoài ra không có ý kiến nào khác.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La đã Quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 158, 164; khoản 1 Điều 166; 500, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, 167, 168, 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc Kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông Lò Văn H.

2. Công nhận ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 274, tờ bản đồ số 43, tại bản X, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La, diện tích 1.025,8m^2, đã được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp GCNQSDĐ số CH00282 ngày 16/9/2016 mang tên Đoàn Thanh N, và được đăng ký biến động lần cuối cùng mang tên ông Nguyễn Văn T.

3. Buộc ông Lò Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị L1, anh Lò Văn L2 và chị Lường Thị H2 phải di dời đồ đạc, tháo dỡ 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước, phần bán mái lợp proxi măng và trả lại cho ông Nguyễn Văn T toàn bộ thửa đất số 274 tờ bản đồ số 43 tại bản X, xã N, huyện SM, Sơn La, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp GCNQSDĐ số CH00282 mang tên Đoàn Thanh N, đăng ký biến động lần cuối cùng ngày 30/11/2020 sang tên ông Nguyễn Văn T cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Cụ thể thửa đất và tài sản trên đất như sau:

- Thửa đất có diện tích 1.025,8 m^{2,}, có tứ cận tiếp giáp:

Phía Bắc giáp đất bà Lê Thị Th: Kích thước 35,91m

Phía Nam giáp đất bà Trần Thị H3: Kích thước 33,37m

Phía Đông giáp đường quốc lộ 12: Kích thước 35,55m

Phía Tây giáp đất bà Lê Thị Th: Kích thước 25,94m

(*Có sơ đồ kèm theo*)

- Tài sản trên đất:

+ 01 nhà tạm khung sắt, tường ghép bằng tôn diện tích 56,7m2.

+ 02 chuồng lợn (01 chuồng xây tường 110mm mái lợp tôn, diện tích 62,7m2; 01 chuồng cột sắt, mái tôn diện tích 69,6 m2).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 09/10/2023, bị đơn ông Lò Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của bị đơn ông Lò Văn H: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Không nhất trí với Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm do Toà án nhân dân huyện Sông Mã đã tuyên. Bởi tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Thanh Ng hiện đang trú tại tiểu khu C, thị trấn NT, huyện

MC, tỉnh Sơn La không có mặt. Bị đơn cho rằng do nguyên nhân xuất phát từ ông N mà ông N không có mặt tại phiên toà sơ thẩm cho nên Quyết định của bản án không đảm bảo được quyền lợi của bị đơn.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SM. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện bị đơn ông Lò Văn H, yêu cầu trả lại mảnh đất đã được cấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo GCNQSDĐ số CH00282 do Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp ngày 16/9/2016 do ông H đang sử dụng. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *"Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"* là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh N, bà Lường Thị L1, anh Lò Văn L2, chị Lường Thị H2 vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo bị đơn ông Lò Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1]. Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của ông Lò Văn H, vào năm 2016 ông H chuyển nhượng mảnh đất trên cho ông Đoàn Thanh N, ông N đã được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp GCNQSDĐ số CH00282 ngày 16/9/2016 mang tên Đoàn Thanh N. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đoàn Thanh N đã xây dựng 01 nhà tạm lợp mái tôn, 02 chuồng lợn trên diện tích đất. Sau đó, ông N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất cho bà Phạm Thị Q, bà Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L3. Cuối năm 2020 bà L3 chuyển

nhượng cho ông Nguyễn Văn T. Tất cả những lần chuyển nhượng đều thực hiệc việc đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định. Trong quá trình chuyển nhượng giữa những người được cấp quyền nêu trên đều nhất trí cho gia đình ông H mượn sử dụng đất để chăn nuôi. Đối với ông Nguyễn Văn T là người nhận chuyển nhượng đất cuối cùng, sau khi thỏa thuận chuyển nhượng với bà L3, ông T có đồng ý cho gia đình ông H ở nhờ trên mảnh đất trên trong thời gian chờ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, nhưng sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H và gia đình không thực hiện việc di dời khỏi mảnh đất này.

Về diện tích đất tranh chấp: Theo như GCNQSDĐ số CH00282 ngày 16/9/2016 mang tên Đoàn Thanh N thì có diện tích là 1.180,9m2. Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với mảnh đất trên thì hiện trạng đo thực tế giảm đi 155,1m2, phần diện tích đất giảm đi này thuộc phần đất trồng cây lâu năm. Đối với phần đất bị giảm đã xác minh được do sai lệch về đo vẽ, mảnh đất từ trước đến nay sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không xê dịch mốc giới đất giữa các hộ liền kề. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xác nhận nhất trí với diện tích thực tế khi xem xét, thẩm định, không có ý kiến, đề nghị gì về diện tích đất bị giảm so với diện tích đất đã được cấp quyền.

[3.2] Về tính hợp pháp của các hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất và tính pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Việc chuyển nhượng đất giữa ông Lò Văn H và ông Đoàn Thanh N là hợp đồng miệng, không lập thành văn bản. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên và được gia đình nhất trí, bản thân ông H và gia đình đều thừa nhận mảnh đất này đã được chuyển nhượng cho ông N với giá 400.000.000đ, ông H cũng thừa nhận là ông cho ông N nợ số tiền này, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông N về nội dung thỏa thuận này, nhưng căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông N cho thấy lời khai của ông H là hoàn toàn phù hợp về nội dung sự việc chuyển nhượng. Về nguyên tắc việc thỏa thuận chuyển nhượng đất bằng miệng là vi phạm điều kiện về hình thức của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 việc mua bán đất phải được tiến hành bằng văn bản có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên trong giao dịch trên vào thời điểm giao kết các chủ thể tham gia giao dịch đều có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao dịch một cách tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc thỏa thuận hoàn toàn có căn cứ, tồn tại có thật việc mua bán chuyển nhượng, quyền tự định

đoạt của các chủ thể giao dịch được đảm bảo. Bên cạnh đó sau khi hai bên hoàn thành thỏa thuận chuyển nhượng đất, ông Đoàn Thanh N đã đăng ký kê khai, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Uỷ ban nhân dân huyện SM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00282 ngày 16/9/2016 mang tên Đoàn Thanh N theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, ông H biết và được lấy ý kiến vào phiếu ý kiến. Như vậy ông H hoàn toàn biết việc ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phản đối, khiếu nại hay khởi kiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên; từ năm 2016 đến nay không ghi nhận việc tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông H và ông N, do vậy ông H cho rằng ông N tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

Sau khi nhận chuyển nhượng ông N đã nhận đất và xây dựng trên đất 01 nhà tạm, 02 chuồng lợn, khi ông N xây dựng tài sản trên đất ông H biết và hiện nay ông H vẫn đang sử dụng những tài sản đó, do vậy ông H cho rằng ông chưa giao đất cho ông N là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngoài lời khai thì ông Lò Văn H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Ông H cũng khẳng định khi ông N xây dựng tài sản trên mảnh đất ông đều biết và cũng thừa nhận ông cho ông N nợ số tiền chuyển nhượng đất. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông H đã giao đất cho ông N, để ông Ngàn thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng nhà, chuồng lợn trên đất, quá trình sử dụng ông H và gia đình cũng sử dụng đất và tài sản trên đất từ đó đến nay là do các chủ sử dụng đất đồng ý cho mượn để sử dụng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Việc ông H cho rằng ông N chưa trả tiền chuyển nhượng đất, ông có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lò Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lò Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000723 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2024).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện SM;
- Chi cục THADS huyện SM;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điêu Thị Kim Liên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Tòa án nhân dân huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tuấn Long